

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 04/11/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ

+ Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản: Bà Nguyễn Thị Ngọc C, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

- Bị đơn: Anh Hồ Hoàng A, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1970 (vắng);

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1980 (vắng);

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy

Đại diện bà Nguyễn Thị Mộng Th – Chi cục trưởng (vắng)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T và bị đơn anh Hồ Hoàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày: Chị và anh A có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh A không lo làm ăn, nợ nần. Năm 2018, chị khởi kiện xin ly hôn anh A. Tại Bản án số 106/2018/HNGĐ-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị, sau đó chị và anh A ly thân đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đắc Q, sinh ngày 20/12/2012 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh A cấp dưỡng mỗi tháng 1.490.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 05/9/2019.

- Về tài sản chung: Có 01 xe SH biển số kiểm soát 63B1-16188, do chị đứng tên và quản lý sử dụng. Chị yêu cầu được sở hữu chiếc xe và đồng ý hoàn lại ½ giá trị cho anh A theo định giá.

Đối với số tiền 202.996.085 đồng anh A được nhận theo bản án dân sự phúc thẩm số 301/2020/DS-PT ngày 24/8/2020 về “Bồi thường giá trị cây trồng và bồi thường thiệt hại tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, chị yêu cầu được nhận 50%.

- Về nợ chung: Vợ chồng nợ bà Nguyễn Thị Bé B 5.000.000 đồng tiền mua ống nước.

Số tiền nợ ông Nguyễn Đức Đ chị không biết, không đồng ý trả theo yêu cầu của anh A.

Bị đơn anh Hồ Hoàng A trình bày: Anh và chị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì ông nội của vợ đòi lại đất đã cho vợ chồng mượn canh tác từ năm 2011, anh khởi kiện ra Tòa đòi bồi thường thiệt hại tài sản nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, anh và chị T ly thân từ năm 2019. Nay chị T xin ly hôn anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Nguyễn Đắc Q, sinh ngày 20/12/2012 đang sống chung chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Q cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

- Về tài sản chung: Có 01 xe SH biển số kiểm soát 63B1-16188, do chị Nguyễn Kim T đứng tên. Anh đồng ý giao cho chị T sở hữu, chị T phải hoàn lại cho anh ½ giá trị.

Đối với số tiền 202.996.085 đồng anh được nhận theo bản án dân sự phúc thẩm số 301/2020/DS-PT ngày 24/8/2020 về “Bồi thường giá trị cây trồng và bồi thường thiệt hại tài sản” của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, anh yêu cầu được nhận 70%, chia cho chị T 30%.

- Về nợ chung: Nợ bà Nguyễn Thị Bé B 5.000.000 đồng tiền mua ống nước, nợ ông Nguyễn Đức Đ 32.295.000 đồng tiền mua phân canh tác vườn. Anh yêu cầu chia đôi số nợ chung.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Bà Nguyễn Thị Bé B: Anh A, chị T còn nợ bà 5.000.000 đồng tiền mua ống nhựa chưa trả. Bà yêu cầu anh A, chị T phải có trách nhiệm trả lại 5.000.000 đồng cho bà và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

2. Anh Nguyễn Đức Đ trình bày: Anh có đầu tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để chăm sóc vườn cây sầu riêng cho anh Hồ Hoàng A vào năm 2018 với sự bảo lãnh của chị ruột anh A là chị Hồ Hoàng E với số tiền là 32.295.000 đồng. Hiện nay anh Đ chưa có yêu cầu thanh toán số tiền nợ trong vụ án ly hôn giữa anh Ân và chị T, sau này có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

3. Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, đại diện bà Nguyễn Thị Mộng Th - Chi cục trưởng có ý kiến trình bày: Căn cứ bản án số 301/2020/DSPT ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Cục thi hành án thụ lý và đã ra các quyết định thi hành án sau:

- Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 buộc ông Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Kim A, Nguyễn Thị Diễm K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Phương M, Võ Nguyễn Kiến H, Võ Nguyễn Ngân H trả cho Hồ Hoàng A số tiền 198.580.085đ và lãi suất.

- Quyết định số 526/QĐ-CCTHADS ngày 26/01/2021 buộc bà Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Kim A Nguyễn Thị Diễm K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Phương M, Võ Nguyễn Kiến H, Võ Nguyễn Ngân H liên đới nộp 8.687.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyết định số 153/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 buộc ông Nguyễn Kim Đ, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Kim A, Nguyễn Thị Diễm K, Nguyễn Kim C, Nguyễn Thị Phương M, Võ Nguyễn Kiến H, Võ Nguyễn Ngân H trả cho Hồ Hoàng A chi phí tố tụng số tiền 5.500.000đ

- Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 buộc ông Nguyễn Thành T bồi thường cho Hồ Hoàng A giá trị tiền hệ thống ống nước bị tháo dỡ hư hỏng số tiền 4.416.000đ và lãi suất.

Quá trình tổ chức thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự chưa thi hành được khoản tiền nào.

* Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2022/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 37, 51, 56, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Hồ Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Nguyễn Đắc Q sinh ngày 20/12/2012 cho chị Nguyễn Kim T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh A được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Anh Hồ Hoàng A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng đến khi cháu Hồ Nguyễn Đắc Q trưởng thành, lao động được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (10/5/2022).

4. Về tài sản chung:

- Chia cho anh Lê Hoàng A số tiền 121.797.651 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền theo Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 và Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện Cai Lậy.

- Chia cho chị Nguyễn Kim T số tiền 81.198.434 lãi suất phát sinh trên số tiền theo Quyết định thi hành số 02/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 và Quyết định thi hành số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án huyện Cai Lậy

- Chia cho chị T 01 xe Honda SH biển số kiểm soát 63B1-16188, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 055448 do Công an huyện Cai Lậy cấp ngày 01/9/2017 do chị Nguyễn Kim T đứng tên, chị T hoàn lại cho anh Hồ Hoàng A số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

5. Về nợ chung:

- Chị Nguyễn Kim T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 2.500.000 đồng.

- Anh Hồ Hoàng A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 2.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 16/5/2022, chị Nguyễn Kim T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia cho chị T và anh A mỗi người 50% của số tiền 202.996.085 đồng; Yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con là 1.490.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2019.

* Ngày 20/5/2022, anh Hồ Hoàng A có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chia cho anh A 70% của số tiền 202.996.085 đồng; Chia cho chị T 30% của số tiền trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về phần tài sản đưa ra nhiều ý kiến tranh luận và đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim T; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Hoàng A; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của anh Hồ Hoàng A và chị Nguyễn Kim T trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2]. Bà Nguyễn Thị Bé B, anh Nguyễn Đức Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim T và anh Hồ Hoàng A, hội đồng xét xử nhận thấy:

** Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T kháng cáo cho rằng chị và anh A sống ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian này cháu Hồ Nguyễn Đắc Q sống với mẹ nhưng không nhận được sự cấp dưỡng của cha. Cháu Q là trẻ chậm phát triển, vì vậy việc chăm sóc, nuôi dạy cháu Q gặp rất nhiều khó khăn trong khi thu nhập của chị T thấp. Do đó, chị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.490.000 đồng, bắt đầu thực hiện từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn xin ly hôn của chị T là ngày 05/9/2019 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Xét yêu cầu kháng cáo của chị T là có cơ sở, bởi lẽ tại phiên tòa anh A cũng thừa nhận anh có việc làm, có thu nhập nhưng từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi bé Q nhưng anh A không phụ giúp chị Tuyên trong việc chăm sóc, nuôi dạy con chung. Vì vậy, cần buộc anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.490.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 9/2019 cho đến khi bé Q đủ 18 tuổi có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp.

** Về tài sản chung:* Chị T và anh A thống nhất trình bày số tiền 202.996.805 đồng anh Ân được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS và 03/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy chưa thi hành được khoản tiền này.

Anh A kháng cáo cho rằng anh là người trực tiếp chăm sóc cây cối, vườn tược, chị T làm giáo viên, thỉnh thoảng mới phụ giúp anh làm vườn. Do đó, anh

kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho anh được nhận 70% của số tiền trên. Xét yêu cầu kháng cáo của anh A là không có cơ sở nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T kháng cáo cho rằng chị làm giáo viên, ngoài giờ hành chính chị còn phải chăm sóc, nuôi dạy con cái, khi rảnh rỗi chị còn phụ giúp anh A chăm sóc cây trồng, công sức của chị là ngang bằng với công sức của anh A. Do đó, chị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia đôi số tiền nêu trên cho chị và anh A. Xét yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị T; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh A; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị T và anh A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 296, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 33, 37, 51, 56, 59, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Kim T

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Hoàng A.

Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 76/2022/HNGĐ_ST ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Kim T ly hôn với anh Hồ Hoàng A.

- Về con chung:

Giao cháu Hồ Nguyễn Đắc Q, sinh ngày 20/12/2012 cho chị Nguyễn Kim T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Hồ Hoàng A được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng*: Buộc anh Hồ Hoàng Á phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Hồ Nguyễn Đắc Q với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.490.000 đồng (Một triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2019 đến khi cháu Hồ Nguyễn Đắc Q đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung*:

Chia cho anh Hồ Hoàng Á số tiền 101.498.042 đồng (Một trăm lẻ một triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi hai đồng) và lãi suất phát sinh của số tiền 202.996.805 đồng được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 02/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 và Quyết định thi hành án số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho chị Nguyễn Kim T số tiền 101.498.042 đồng (Một trăm lẻ một triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn, không trăm bốn mươi hai đồng) và lãi suất phát sinh của số tiền 202.996.805 đồng được thi hành án theo Quyết định thi hành số 02/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 và Quyết định thi hành số 03/QĐ-CCTHADS ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho chị Nguyễn Kim T 01 (một) chiếc xe Honda SH biển kiểm soát 63B1-16188, theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 055448 do Công an huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/9/2017 cho chị Nguyễn Kim T.

Buộc chị Nguyễn Kim T hoàn lại cho anh Hồ Hoàng Á $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- *Về nợ chung*:

Chị Nguyễn Kim T và anh Hồ Hoàng Á mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/- Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; 5.074.902 đồng án phí chia tài sản; 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tổng cộng 5.674.902 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 17083 ngày 05/9/2019; 0005799 ngày 17/9/2020 và 0016202 ngày 16/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị T còn phải nộp tiếp 2.537.000 đồng (Hai triệu, năm trăm, ba mươi bảy ngàn đồng).

Anh Hồ Hoàng Á phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; 5.074.902 đồng án phí chia tài sản; 300.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ trả nợ; 300.000

đồng án phí phúc thẩm. Tổng cộng 5.974.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 17191 ngày 18/10/2019 và biên lai số 0016236 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên anh A còn phải nộp tiếp 4.583.902 đồng (Bốn triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, chín trăm lẻ hai đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé B 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0001794 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND h Cai Lậy;
- Chi cục THADS h Cai Lậy;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy